

Số: /KH-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 11 năm 2023

## KẾ HOẠCH

### **Trồng rừng gỗ lớn, chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang kinh doanh rừng trồng gỗ lớn giai đoạn 2024-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

Căn cứ Nghị Quyết số 401-NQ/TU ngày 03/4/2019 của Ban Thường vụ tỉnh ủy về chiến lược phát triển nông nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2023 - 2030 (gọi tắt là Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh);

UBND tỉnh Bắc Giang xây dựng kế hoạch trồng rừng gỗ lớn, chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang kinh doanh rừng trồng gỗ lớn giai đoạn 2024-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang với các nội dung cụ thể như sau:

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

### 1. Mục đích

- Phân đầu đến năm 2025, toàn tỉnh có khoảng từ 16.000 ha (*tính lũy kế*) rừng trồng gỗ lớn trở lên, tương đương với 20% tổng diện tích rừng trồng tập trung trên địa bàn toàn tỉnh;

- Nâng cao giá trị sản xuất, kinh doanh rừng trồng và phát triển lâm nghiệp bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường; gắn kết theo chuỗi từ trồng rừng, chế biến và tiêu thụ sản phẩm để nâng cao giá trị lâm sản hàng hóa, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12/7/2022.

### 2. Yêu cầu

- Trồng rừng gỗ lớn và chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang kinh doanh gỗ lớn phải phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương, như: Điều kiện tự nhiên, thổ nhưỡng, loài cây trồng; tập trung phát triển trên diện tích của các vùng sản xuất lâm nghiệp tập trung đã được Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt tại Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 về việc phê duyệt kết quả “Rà soát, cập nhật, chỉnh sửa bản đồ số hóa các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh các sản phẩm nông sản chủ lực, đặc trưng; các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Bắc Giang”;

- Xác định rõ diện tích dự kiến phát triển trồng rừng gỗ lớn và chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang kinh doanh gỗ lớn tới từng địa phương cơ sở (cấp huyện, xã) theo từng năm để có kế hoạch tổ chức thực hiện;

- Xác định rõ nội dung, tiến độ, thời gian và nhiệm vụ cụ thể của các cấp, các ngành có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện kế hoạch, cũng như việc phối hợp đảm bảo chặt chẽ, thường xuyên, hiệu quả giữa các cơ quan, đơn vị và chính quyền địa phương. Đặc biệt, đối với diện tích rừng có sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

## **II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH**

### **1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến triển khai thực hiện Kế hoạch**

- Triển khai quán triệt, tuyên truyền, phổ biến các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, hợp tác xã, mọi tầng lớp nhân dân có liên quan đến lĩnh vực lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tạo sự chuyển biến rõ nét về nhận thức, trách nhiệm và hành động trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững, góp phần giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu;

- Năm 2024-2025 tổ chức 08 hội nghị trên địa bàn 4 huyện nhằm tuyên truyền, phổ biến và triển khai Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 22/8/2023 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh và nội dung của kế hoạch này tới cán bộ phụ trách của UBND các xã, thị trấn; các chủ rừng tổ chức, doanh nghiệp để biết, tuyên truyền vận động các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân cùng tham gia thực hiện.

- Nâng cao nhận thức của người dân về vai trò, ý nghĩa và giá trị lợi ích về kinh tế, xã hội và môi trường của rừng trồng gỗ lớn đem lại từ đó vận động các chủ rừng tham gia thực hiện phát triển trồng rừng gỗ lớn và chuyển hóa rừng trồng kinh doanh gỗ nhỏ sang gỗ lớn, tạo vùng nguyên liệu tập trung, có chất lượng cao.

### **2. Loài cây trồng và tiêu chuẩn cây trồng**

- Các loài cây trồng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận và trong danh mục cây trồng quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 10 Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh và các loài cây trồng đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận.

- Tiêu chuẩn cây giống: Tiêu chuẩn cây giống khi xuất vườn được áp dụng theo Tiêu chuẩn quốc gia đối với từng loài cây hoặc tiêu chuẩn cơ sở (đối với những loài cây chưa có tiêu chuẩn quốc gia).

### **3. Trồng rừng gỗ lớn**

**3.1. Đối tượng áp dụng:** Tổ chức, cá nhân sản xuất nông, lâm nghiệp trên địa bàn các huyện: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam và Yên Thế

#### **3.2. Điều kiện được hỗ trợ:**

- Phù hợp với quy hoạch hoặc kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

- Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất, quyết định giao rừng của cấp có thẩm quyền;

- Có hồ sơ thiết kế - dự toán trồng rừng gỗ lớn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

- Có diện tích trồng rừng gỗ lớn từ 10ha trở lên đối với cây sinh trưởng nhanh (keo) và 5 ha trở lên đối với cây sinh trưởng chậm (Giổi, Sồi phẳng, Vù hương, Trám trắng, Lát hoa, Mỡ, Xoan đào, Chò nâu, Chò chỉ, Lim xanh, Táu, Sưa trắng, Xoan nhừ, Re, Sao đen, Xoan ta, các loại Dẻ, Lát Mexico, Thông Caribe, Thông nhựa, Thông mã vĩ, Gáo trắng, Trám đen, Vối thuốc, Thông ba lá, Thanh thất, Đàn hương);

- Thời gian tối thiểu để khai thác rừng là 10 năm đối với loài cây sinh trưởng nhanh, 15 năm đối với loài cây sinh trưởng chậm kể từ thời điểm trồng.

### **3.3. Khối lượng dự kiến thực hiện**

- Giai đoạn 2024-2025, toàn tỉnh phân đầu trồng khoảng 3.317 ha. Trong đó: Trồng sinh trưởng nhanh (*các loài Keo...*) khoảng 2.817 ha; trồng cây sinh trưởng chậm và các loài cây bản địa (*Lim xanh, Lát, Vù hương, Giổi, Thông nhựa, Thông caribe, Trám trắng, Xoan đào, Xoan nhừ...*) khoảng 500 ha.

- Diện tích cụ thể theo địa bàn các huyện như sau:

+ Huyện Sơn Động: Tổng diện tích thực hiện giai đoạn 2024-2025 là 720 ha. Trong đó: Năm 2024 là 337 ha (*trồng cây sinh trưởng nhanh 287 ha, trồng cây sinh trưởng chậm 50 ha*); năm 2025 là 383 ha (*trồng cây sinh trưởng nhanh 333 ha, trồng cây sinh trưởng chậm 50 ha*);

+ Huyện Lục Ngạn: Tổng diện tích thực hiện giai đoạn 2024-2025 là 1.420 ha. Trong đó: Năm 2024 là 700 ha (*trồng cây sinh trưởng nhanh 600 ha, trồng cây sinh trưởng chậm 100 ha*); năm 2025 là 720 ha (*trồng cây sinh trưởng nhanh 620 ha, trồng cây sinh trưởng chậm 100 ha*);

+ Huyện Lục Nam: Tổng diện tích thực hiện giai đoạn 2024-2025 là 807 ha. Trong đó: Năm 2024 là 397 ha (*trồng cây sinh trưởng nhanh 347 ha, trồng cây sinh trưởng chậm 50 ha*); năm 2025 là 410 ha (*trồng cây sinh trưởng nhanh 360 ha, trồng cây sinh trưởng chậm 50 ha*);

+ Huyện Yên Thế: Tổng diện tích thực hiện giai đoạn 2024-2025 là 370 ha. Trong đó: Năm 2024 là 185 ha (*trồng cây sinh trưởng nhanh 135 ha, trồng cây sinh trưởng chậm 50 ha*); năm 2025 là 185 ha (*trồng cây sinh trưởng nhanh 135 ha, trồng cây sinh trưởng chậm 50 ha*);

*(Chi tiết diện tích theo năm và loài cây trồng theo biểu 01 đính kèm)*

### **3.4. Khái toán kinh phí từ ngân sách hỗ trợ thực hiện kế hoạch**

- Kinh phí hỗ trợ thực hiện theo Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, cụ thể: Đối với cây trồng sinh trưởng nhanh hỗ trợ 5,0 triệu đồng/ha vào năm 1; cây trồng sinh trưởng chậm hỗ trợ 20,0 triệu đồng/ha vào năm 1. Ngoài ra, hỗ trợ 1 lần kinh phí cho công tác khảo sát, thiết kế lập hồ sơ dự toán với mức 1,0 triệu đồng/ha.

- Dự kiến tổng kinh phí hỗ trợ giai đoạn 2024-2025 là 27.402 triệu đồng. Trong đó:

+ Kinh phí hỗ trợ trồng rừng là 24.085 triệu đồng (năm 2024 là 11.845 triệu đồng, năm 2025 là 12.240 triệu đồng);

+ Kinh phí hỗ trợ khảo sát, lập hồ sơ thiết kế dự toán là 3.317 triệu đồng (năm 2024 là 1.619 triệu đồng, năm 2025 là 1.698 triệu đồng). Dự toán chi tiết tới UBND các huyện theo biểu số 03 đính kèm.

**3.5. Nguồn kinh phí và phân bổ kinh phí thực hiện:** Thực hiện theo Điều 13, Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2023 -2030.

#### **4. Chuyển hóa rừng gỗ nhỏ sang kinh doanh gỗ lớn giai đoạn 2024-2025**

Giai đoạn 2024-2025, toàn tỉnh dự kiến chuyển hóa khoảng 5.783 ha rừng trồng gỗ nhỏ sang rừng trồng kinh doanh gỗ lớn. Trong đó: Năm 2024 là 2.802 ha, năm 2025 là 2.981 ha. Diện tích rừng trồng gỗ nhỏ chuyển sang rừng trồng kinh doanh gỗ lớn phân theo các huyện cụ thể như sau:

- Huyện Sơn Động là 1.680 ha (năm 2024 là 787 ha, năm 2025 là 893 ha);
- Huyện Lục Ngạn là 2.000 ha (năm 2024 là 1.000 ha, năm 2025 là 1.000 ha);
- Huyện Lục Nam là 1.073 ha (năm 2024 là 500 ha, năm 2025 là 573 ha);
- Huyện Yên Thế là 1.030 ha (năm 2024 là 515 ha, năm 2025 là 515 ha).

Nhà nước không hỗ trợ kinh phí thực hiện chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang kinh doanh rừng trồng gỗ lớn. Các tổ chức, hộ gia đình cá nhân tự bỏ vốn và nguồn nhân lực để thực hiện chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang kinh doanh rừng trồng gỗ lớn trên diện tích của đơn vị, gia đình mình.

*(Diện tích chi tiết theo biểu 02 đính kèm)*

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về hiệu quả của trồng rừng kinh doanh gỗ lớn nhằm góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống người dân và bảo vệ môi trường sinh thái; phối hợp với các địa phương vận động chủ rừng tham gia thực hiện trồng rừng gỗ lớn một cách có hiệu quả;

- Hàng năm, phối hợp với UBND các huyện trong việc tuyên truyền, phổ biến và triển khai Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh, Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 22/8/2023 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh và nội dung của kế hoạch này tới cán bộ phụ trách của UBND các xã, thị trấn; các chủ rừng tổ chức, doanh nghiệp để biết, tuyên truyền vận động các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân cùng tham gia thực hiện;

- Hàng năm, căn cứ nhu cầu đề xuất của UBND các huyện: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam và Yên Thế, rà soát, tổng hợp gửi Sở Tài chính thẩm định và tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch;

- Phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán trồng rừng gỗ lớn cho đối tượng chủ rừng là các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng trên địa bàn tỉnh;

- Hàng năm, xem xét, thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ và kiểm tra, xác minh thực tế, nếu đủ điều kiện hỗ trợ thì căn cứ vào quyết định phê duyệt hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền và nguồn vốn được giao thực hiện hỗ trợ đối với các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng trên địa bàn tỉnh;

- Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện các nội dung tại Kế hoạch này; hằng năm, tổng hợp kết quả báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

## **2. Sở Tài chính**

- Hàng năm, trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và khả năng cân đối ngân sách, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch;

- Kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước hỗ trợ trồng cây gỗ lớn theo quy định của pháp luật.

## **3. UBND các huyện: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam và Yên Thế**

- Hàng năm, chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức hội nghị cấp huyện để tuyên truyền, phổ biến và triển khai Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh, Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 22/8/2023 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh tới cán bộ, người dân trên địa bàn quản lý để biết, thực hiện;

- Triển khai, vận động, tuyên truyền và hướng dẫn chủ rừng là tổ chức, hộ gia đình cá nhân triển khai trồng rừng gỗ lớn và chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang kinh doanh rừng trồng gỗ lớn đảm bảo diện tích tối thiểu tại kế hoạch này;

- Triển khai hướng dẫn các chủ rừng là tổ chức, hộ gia đình cá nhân trên địa bàn (*trừ chủ rừng là các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng*) đăng ký diện tích trồng rừng gỗ lớn. Tổng hợp số liệu diện tích đăng ký trồng rừng gỗ lớn, báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm cơ sở đề xuất Sở Tài chính tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh phân bổ kinh phí theo quy định;

- Phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán trồng rừng gỗ lớn của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân trên địa bàn (*trừ chủ rừng là các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng*);

- Kiểm tra, nghiệm thu và thanh toán kinh phí nhà nước hỗ trợ trồng rừng gỗ lớn cho các tổ chức, hộ gia đình cá nhân trên địa bàn (*trừ chủ rừng là các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng*) theo đúng quy định của pháp luật.

**4. Các cơ quan thông tin truyền thông:** Phối hợp với các ngành, các cấp liên quan đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa và lợi ích của việc trồng rừng gỗ lớn và chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang kinh doanh gỗ lớn; các chính sách hỗ trợ của nhà nước cho công tác phát triển trồng rừng gỗ lớn và các văn bản quy phạm pháp luật khác về lâm nghiệp đến mọi tổ chức, cá nhân và người dân trên địa bàn tỉnh để biết, thực hiện.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện trồng rừng gỗ lớn và chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang kinh doanh gỗ lớn giai đoạn 2024-2025 trên địa bàn tỉnh. Yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các huyện: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam và Yên Thế tổ chức triển khai thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Bộ NN&PTNT (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam và Yên Thế;
- Văn phòng UBND tỉnh:
  - + LĐVP, TH, KTN, TTTT, TKCT;
  - + Lưu: VT, NN Thăng.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Ô Pích**

**BIỂU 01: TỔNG HỢP DIỆN TÍCH TRỒNG RỪNG GỖ LỚN GIAI ĐOẠN  
2024-2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG**  
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /11/2023 của UBND tỉnh)

TT	Đơn vị	Năm 2024 (ha)		Năm 2025 (ha)		Cộng: 2024-2025		
		Cây sinh trưởng nhanh	Cây sinh trưởng chậm	Cây sinh trưởng nhanh	Cây sinh trưởng chậm	Cây sinh trưởng nhanh	Cây sinh trưởng chậm	Cộng
1	Huyện Sơn Động	287	50	333	50	620	100	720
2	Huyện Lục Ngạn	600	100	620	100	1.220	200	1.420
3	Huyện Lục Nam	347	50	360	50	707	100	807
4	Huyện Yên Thế	135	50	135	50	270	100	370
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.369</b>	<b>250</b>	<b>1.448</b>	<b>250</b>	<b>2.817</b>	<b>500</b>	<b>3.317</b>

**BIỂU 02: TỔNG HỢP DIỆN TÍCH CHUYỂN HÓA RỪNG TRỒNG GỖ NHỎ SANG KINH DOANH RỪNG TRỒNG GỖ LỚN GIAI ĐOẠN  
2024-2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG**

TT	Đơn vị	Năm 2024	Năm 2025	Cộng
1	Huyện Sơn Động	787	893	1.680
2	Huyện Lục Ngạn	1.000	1.000	2.000
3	Huyện Lục Nam	500	573	1.073
4	Huyện Yên Thế	515	515	1.030
<b>Tổng cộng</b>		<b>2.802</b>	<b>2.981</b>	<b>5.783</b>

**BIỂU 03: KHÁI TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ TRỒNG RỪNG GỖ LỚN GIAI ĐOẠN 2024-2025  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG**

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /11/2023 của UBND tỉnh)*

TT	Đơn vị	Năm 2024 (triệu đồng)			Năm 2025 (triệu đồng)			Tổng chi phí (triệu đồng)		
		Kinh phí hỗ trợ trồng	Kinh phí lập hồ sơ	Cộng	Kinh phí hỗ trợ trồng	Kinh phí lập hồ sơ	Cộng	Kinh phí hỗ trợ trồng	Kinh phí lập hồ sơ	Cộng
1	Huyện Sơn Động	2.435	337	2.772	2.665	383	3.048	5.100	720	5.820
2	Huyện Lục Ngạn	5.000	700	5.700	5.100	720	5.820	10.100	1.420	11.520
3	Huyện Lục Nam	2.735	397	3.132	2.800	410	3.210	5.535	807	6.342
4	Huyện Yên Thế	1.675	185	1.860	1.675	185	1.860	3.350	370	3.720
<b>Tổng cộng</b>		<b>11.845</b>	<b>1.619</b>	<b>13.464</b>	<b>12.240</b>	<b>1.698</b>	<b>13.938</b>	<b>24.085</b>	<b>3.317</b>	<b>27.402</b>